

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HS-ST
Ngày: 10-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành

2. Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Dương Nguyễn Quốc A (Tên gọi khác: T)-Sinh năm 1995, tại Gia Lai.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 13, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 8/12. Nghề nghiệp: Thợ sơn. Con ông Dương Ngọc T và bà Nguyễn Thị L; Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Hồng P và có 01 con, sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Dương Nguyễn Quốc A bị tạm giữ từ ngày 13-8-2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thanh S (Tên gọi khác: S)-Sinh năm 1996, tại Gia Lai.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 13, phường Y, Thành phố P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Thợ sơn; Con ông Lê Minh Tuấn và bà Trần Thị Lý; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Lê Thanh S bị tạm giữ từ ngày 16-8-2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1976; trú tại: Số 01/08 đường Tuệ Tĩnh, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1984; trú tại: Xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1999; trú tại: Số 210 đường Q, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Hoàng Vân N, sinh năm 1998; trú tại: Số 46/79/4 đường P, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Anh Trần Danh N, sinh năm 1988; trú tại: Số 38A đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Dương Ngọc T, sinh năm 1969; trú tại: Tổ 13, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1959; trú tại: Tổ 13, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Anh Thái Hoàng S, sinh năm 1983; trú tại: Hẻm 56 đường T, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1984; trú tại: Tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1969; trú tại: Số 46/79/4 đường P, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Nguyễn Quốc A và Lê Thanh S có quan hệ quen biết nhau. Trong thời gian từ ngày 12-7-2019 đến ngày 11-8-2019, Anh và S đã cùng nhau thực hiện 04 vụ cướp giật tài sản, riêng Anh thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn *Thành phố P*, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 12-7-2019, Dương Nguyễn Quốc A khởi xướng, rủ và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ-đen, biển số 81B2-537.12 chở Lê Thanh S đi dạo trên địa bàn phường Hoa Lư, thành phố P để tìm cơ hội cướp giật tài sản của người khác. Khi đi ngang qua số nhà 09 đường N, A phát hiện bà Lê Thị P đang ngồi trên ghế đá phía trước và đang nghe điện thoại di động. A dừng xe bên kia đường, bảo S ngồi vào vị trí lái và nổ máy chờ sẵn, còn A đi bộ đến vị trí bà P đang ngồi, dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu xám-bạc của bà P đang cầm, rồi chạy đến chỗ S để S chở tẩu thoát. Sau đó, A và S mang điện thoại di động vừa chiếm đoạt được đến cửa hàng điện thoại di động G (ở số 132 đường H, phường Y, thành phố P) bán cho ông Thái Hoàng S được 5.000.000 đồng; số tiền này A và S cùng nhau tiêu xài hết. Đến ngày 15-8-2019, khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố

P đến làm việc, ông S đã giao nộp lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X mua của A và S vào ngày 12-7-2019 nêu trên.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt, điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X (loại 256Gb), màu xám-bạc của bà Lê Thị P có trị giá 11.000.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại điện thoại cho bà P.

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 29-7-2019, Dương Nguyễn Quốc A rủ và điều khiển xe mô tô biển số 81B2-537.12 chở Lê Thanh S đi dạo trên địa bàn phường H, thành phố P để tìm cơ hội cướp giật tài sản của người khác. Khi đi trên đường P, cả hai phát hiện có bà Trịnh Thị D đang điều khiển xe mô tô biển số 81V1-352.02 chở theo bà Trịnh Thị H đang lưu thông phía trước cùng chiều; trên tay trái của bà H đang cầm một túi nilon màu đỏ, bên trong có 01 ví cầm tay bằng vải màu đỏ, trong ví cầm tay có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A7 và 1.100.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khi đi đến đoạn trước số nhà 98B đường P, A điều khiển xe mô tô 81B2-537.12 áp sát bên trái xe mô tô do bà D điều khiển, để S dùng tay phải giật mạnh túi nilon màu đỏ trên tay bà H, rồi A tăng ga chạy thoát. Sau đó, A và S mang 02 điện thoại di động vừa chiếm đoạt được đến cửa hàng điện thoại H (số 302 đường H, phường H, thành phố P) bán cho một người đàn ông (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) được 1.400.000 đồng; riêng chiếc ví cầm tay bằng vải, S đã vứt bỏ nhưng không xác định được vị trí. Tiền bán điện thoại và số tiền có trong ví chiếm đoạt được, S và A cùng nhau tiêu xài hết. Quá trình điều tra, do chưa xác định được người đàn ông đã mua điện thoại, nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được các điện thoại di động nêu trên và cũng không thu hồi được chiếc ví cầm tay.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt, các điện thoại di động của bà Trịnh Thị H có trị giá như sau: Điện thoại di động hiệu Iphone 6S (loại 16Gb), màu bạc, trị giá 2.400.000 đồng; điện thoại di động hiệu OPPO A7, màu bạc, trị giá 2.200.000 đồng. Riêng chiếc ví cầm tay bằng vải, màu đỏ, do không xác định được kích thước, nhãn hiệu, đặc điểm cụ thể, nên Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố P từ chối định giá.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 30-7-2019, Dương Nguyễn Quốc A rủ và điều khiển xe mô tô biển số 81B2-537.12 chở Lê Thanh S đi dạo trên địa bàn phường I, thành phố P để tìm cơ hội cướp giật tài sản của người khác. Khi đi đến đoạn trước số nhà 26 đường T, cả hai phát hiện có chị Nguyễn Thị Hương G đang ngồi trên xe máy dừng ở lề đường và cầm điện thoại di động hiệu Vivo V5 nhắn tin; bên trong ốp lưng điện thoại này có số tiền 1.200.000 đồng. A điều khiển xe mô tô 81B2-537.12 chạy đến áp sát bên trái chị G, để S dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động của chị G đang cầm, rồi A tăng ga chạy thoát. Sau đó, Anh và S mang điện thoại di động vừa chiếm đoạt được đến cửa hàng điện thoại di động H bán cho một người đàn ông (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) được 1.300.000 đồng; riêng ốp lưng điện thoại, S đã vứt bỏ nhưng không xác định được vị trí. Tiền bán điện thoại và số tiền bên trong ốp lưng điện thoại, S và A cùng nhau tiêu xài

hết. Quá trình điều tra, do chưa xác định được người đàn ông đã mua điện thoại, nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được điện thoại di động nêu trên và cũng không thu hồi được chiếc ốp lưng của điện thoại.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt, điện thoại di động hiệu Vivo V5 (loại 32Gb), màu hồng của chị Nguyễn Thị Hương G trị giá 1.600.000 đồng. Riêng ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa dẻo, màu vàng, do không xác định được nhãn hiệu, đặc điểm cụ thể, nên Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố P từ chối định giá.

Vụ thứ tư: Khoảng 17 giờ ngày 03-8-2019, Dương Nguyễn Quốc A rủ và điều khiển xe mô tô biển số 81B2-537.12 chở Lê Thanh S đi dạo trên địa bàn phường P, thành phố P để tìm cơ hội cướp giật tài sản của người khác. Khi đi trên đường P, cả hai phát hiện có chị Nguyễn Hoàng Vân N đang điều khiển xe mô tô biển số 81B2-383.60, chở theo sau bà Nguyễn Thị Thu V đang lưu thông phía trước cùng chiều; trong túi áo khoác bên trái của chị N có để điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng. A điều khiển xe mô tô 81B2-537.12 bám theo sau; khi đến đoạn trước số nhà 46/79 đường P, A điều khiển xe chạy đến áp sát bên trái xe mô tô do chị N điều khiển, để S dùng tay phải giật điện thoại di động trong túi áo khoác của chị Như, rồi Anh tăng ga chạy thoát. Sau đó, Anh và S mang điện thoại di động vừa chiếm đoạt được đến cửa hàng điện thoại di động Hoàn Thiện (số 302 đường H, phường H, thành phố P) bán cho một người đàn ông (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) được 3.500.000 đồng. Tiền bán điện thoại mà có, S và A cùng nhau tiêu xài hết. Quá trình điều tra, do chưa xác định được người đàn ông đã mua điện thoại, nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được điện thoại di động nêu trên.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt, điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus (loại 32G), màu hồng của chị Nguyễn Hoàng Vân N trị giá 5.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 09 giờ ngày 11-8-2019, Dương Nguyễn Quốc A một mình điều khiển xe mô tô biển số 81B2-537.12 đi dạo trên địa bàn phường T, thành phố P để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà anh Trần Danh N, A phát hiện cửa mở, nhưng không có người trông coi; trên bàn trong phòng khách có 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo Thinkpad, màu đen, có lắp thêm ổ cứng Samsung, đang sạc pin. A dựng xe mô tô 81B2-537.12 ở lề đường, lén lút đi bộ vào trộm cắp máy tính xách tay trên giá trong áo khoác, rồi tẩu thoát. Sau đó, A mang máy tính xách tay vừa trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại Gia Thái (số 132 đường H, phường Y, thành phố P), bán cho ông Thái Hoàng S được 5.000.000 đồng; tiền bán máy tính mà có, A đã tiêu xài hết. Sau khi mua máy tính trên, ông S đã bán lại cho người khác, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt, máy tính xách tay hiệu Lenovo Thinkpad T480, core i5, 8350U, ram 16G, màu đen, lắp thêm ổ cứng Samsung của anh Trần Danh N trị giá 18.800.000 đồng.

Ngày 12-8-2019, Dương Nguyễn Quốc A ra đầu thú, khai nhận đã cùng Lê Thanh S thực hiện 04 vụ cướp giật tài sản và một mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, đồng thời

A giao nộp xe mô tô biển số 81B2-537.12. Ngày 16-8-2019, S ra đầu thú và khai nhận đã cùng Anh thực hiện 04 vụ cướp giật tài sản, như nêu trên.

Về dân sự:

Bị cáo Dương Nguyễn Quốc A đã tác động ông Dương Ngọc T bồi thường cho chị Nguyễn Hoàng Vân N số tiền 5.000.000 đồng, bồi thường cho bà Trịnh Thị H số tiền 6.700.000 đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hương G số tiền 1.000.000 đồng, bồi thường cho anh Trần Danh N số tiền 2.000.000 đồng. Bà H, chị N không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự; ông Thái Hoàng S cũng không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Chị G yêu cầu được tiếp tục bồi thường số tiền 1.800.000 đồng, anh N yêu cầu được tiếp tục bồi thường số tiền 16.800.000 đồng. Riêng bà Lê Thị P, sau khi được nhận lại điện thoại bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, các bị cáo đều đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Tại bản cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Dương Nguyễn Quốc A về tội: “*Cướp giật tài sản*”, theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Lê Thanh S về tội: “*Cướp giật tài sản*”, theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm b, r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Nguyễn Quốc A với mức án từ 04 (Bốn) năm tù đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Nguyễn Quốc A với mức án từ 09 (Chín) tháng tù đến 01 (Một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt đối với hai tội bị cáo phải chấp hành từ 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù đến 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm b, r, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh S với mức án từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Dương Nguyễn Quốc A và Lê Thanh S bồi thường cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 12-7-2019 đến ngày 03-8-2019, Dương Nguyễn Quốc A và Lê Thanh S đã cùng sử dụng xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 81B2-537.12 làm phương tiện thực hiện 04 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố P, với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 25.500.000 đồng. Riêng Dương Nguyễn Quốc A đã lén lút chiếm đoạt 01 máy tính xách tay trị giá 18.800.000 đồng. Ngày 12-8-2019, Anh ra đầu thú; ngày 16-8-2019, S ra đầu thú.

Hành vi giật tài sản của người khác rồi nhanh chóng tẩu thoát như đã nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Hành vi đó của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 25.500.000 đồng; khi thực hiện hành vi giật tài sản, các bị cáo đã sử dụng xe mô tô, đây là thủ đoạn nguy hiểm nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung, cụ thể là: “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá 18.800.000 đồng của bị cáo Dương Nguyễn Quốc A là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội, đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Xét về hành vi cướp giật tài sản của các bị cáo mang tính chất đồng phạm, tuy nhiên, chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Dương Nguyễn Quốc A là người khởi xướng, rủ rê và 01 lần trực tiếp thực hành tội phạm, 03 lần giúp sức để bị cáo

Lê Thanh S thực hành tội phạm. Xét về vai trò phạm tội thì bị cáo Lê Thanh S có vai trò thứ yếu hơn so với bị cáo Anh.

[3] Hành vi của các bị cáo phải được xử lý nghiêm của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả đã gây ra để đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung đối với tội phạm.

Tuy nhiên, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan nhằm xác định tội phạm và hình phạt, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thực hiện 4 vụ cướp nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại theo quy định Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với tội “*cướp giật tài sản*”, sau khi phạm tội, các bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú, tự thú, đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình các bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại.

Đối với tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo Dương Nguyễn Quốc A đã đầu thú và thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại.

Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định khoản 5 Điều 171 và khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về dân sự:

Đối với chị Nguyễn Hoàng Vân N, bà Trịnh Thị H, ông Thái Hoàng S và bà Lê Thị P không có yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Chị Nguyễn Thị Hương G yêu cầu được tiếp tục bồi thường số tiền 1.800.000 đồng, anh Trần Danh N yêu cầu được tiếp tục bồi thường số tiền 16.800.000 đồng. Xét yêu cầu của các bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền đã yêu cầu trên. Tuy nhiên, đối với số tiền 16.800.000 đồng do bị cáo Dương Nguyễn Quốc A một một thực hiện vụ trộm cắp tài sản của anh N nên buộc một mình bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Danh N.

Đối với số tiền số tiền 1.800.000 đồng, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hương G.

Xét đối với các vụ cướp giật tài sản là do hai bị cáo Quốc và S cùng thực hiện nên phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho các bị hại, tuy nhiên bị cáo Quốc đã bồi thường

đủ cho các bị hại Nguyễn Hoàng Vân N và bà Trịnh Thị H với tổng số tiền là 11.700.000 đồng và đã bồi thường trước một phần cho chị Nguyễn Thị Hương G với số tiền 1.000.000 đồng. Do vậy, số tiền còn lại 1.800.000 đồng còn lại, buộc bị cáo Lê Thanh S có nghĩa vụ phải bồi thường tiếp cho chị G.

Bị cáo Anh có quyền yêu cầu bị cáo S thanh toán lại khoản tiền mà bị cáo đã bồi thường thay phần của bị cáo S với số tiền do hai bị cáo tự thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với xe mô tô biển số 81B2-537.12, là tài sản của ông Dương Ngọc Tuấn. Bị cáo Anh mượn xe mô tô để đi chơi, nhưng sau đó sử dụng làm phương phạm tội thì ông Tuấn không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử lý trả lại xe mô tô biển số 81B2-537.12 cho ông Tuấn nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với ông Thái Hoàng S, là người đã mua điện thoại di động hiệu Iphone X và máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo Thinkpad lắp thêm ổ cứng Samsung, do các bị cáo cướp giật, trộm cắp được mang đến bán, nhưng khi mua các tài sản trên, ông S không biết là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông S về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với các đối tượng nam giới tại cửa hàng điện thoại H, là những người các bị cáo Quốc và S khai đã mua 04 điện thoại di động do A và S cướp giật được mang đến bán, do A và S không biết rõ họ tên, địa chỉ của các đối tượng trên; không xác định được người nào đã mua các điện thoại do Anh và S mang đến bán, nên chưa có căn cứ xử lý. Đề nghị Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Nguyễn Quốc A phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bị cáo Lê Thanh S phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm b, r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Nguyễn Quốc A với mức án tù 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Nguyễn Quốc A với mức án tù 01 (Một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo Dương Nguyễn Quốc A phải chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đến đầu thú (12-8-2019).

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm b, r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh S 04 (Bốn) năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (16-8-2019).

3. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; Khoản 1 Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Tuyên:

-Buộc bị cáo Dương Nguyễn Quốc A phải bồi thường cho anh Trần Danh N số tiền 16.800.000 đồng.

-Buộc bị cáo Lê Thanh S phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hương G số tiền 1.800.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả là 2.000.000 đồng theo biên lai số 0005196 ngày 25 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho bị cáo Lê Thanh S số tiền 200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Dương Nguyễn Quốc A phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 840.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lê Thanh S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng bản án sơ thẩm. Riêng đối với các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ-Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

- Lưu: HSVA, VT.

Rmah HThuyền